

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày 28-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Mai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Triệu Hoàng Hùng – Kiểm sát viên.

Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/HSST-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32a/2024/HSST-QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với:

Bị cáo Đặng Xuân Th, sinh ngày 09/10/1969 tại N, Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng T (Chết); con bà Phạm Thị X, sinh năm 1944; vợ Đặng Thị H, sinh năm 1970, có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/6/2023; có mặt.

Bị hại: Ủy ban nhân dân thị xã N;

Địa chỉ: 999 Trần Quý Cáp, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Lê Minh Tâm - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Phan Mai Minh Khánh – Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Ủy ban nhân dân thị xã N; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Thanh tra thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ: 999 Trần Quý Cáp, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N;

Địa chỉ: 310 Trần Quý Cáp, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân phường H: Ông Võ Biệu - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Võ Biệu, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Hoa, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

6. Ông Nguyễn Châu Vân Long, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Lê Thanh Ninh, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 16, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

8. Ông Phùng Tấn Luật, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 14, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

9. Ông Liễu Đức Thọ, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 08, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

10. Ông Phạm Trọng Đức, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Văn Chuyên, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 17, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

12. Ông Nguyễn Vinh Hiền, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

13. Ông Phan Công Phước, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

14. Ông Võ Hữu Ý, Sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

15. Ông Lâm Quang Thảo, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

16. Ông Phan Huy Cường, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

17. Ông Phan Chiến, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

18. Ông Bùi Anh Tuấn, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

19. Ông Nguyễn Phước, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

20. Ông Lê Hằng, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

21. Ông Nguyễn Hữu Nhiên, sinh năm 1964;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
22. Ông Mai Hữu Chí, sinh năm 1955;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
23. Ông Trần Ngọc Hiệp, sinh năm 1966;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
24. Ông Lê Văn Hùng, sinh năm 1977;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
25. Ông Ngô Văn Cường, sinh năm 1983;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
26. Ông Phan Thành Hải, sinh năm 1988;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
27. Ông Huỳnh Văn Tài, sinh năm 1959;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
28. Ông Phùng Tuấn, sinh năm 1974;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
29. Ông Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1952;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
30. Ông Phan Thanh Nam, sinh năm 1979;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 17, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
31. Ông Nguyễn Cho, sinh năm 1956 (mất)
Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Cho :
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, sinh năm 1961; (vợ ông Nguyễn Cho)
- Bà Nguyễn Thị Bích Loan, sinh năm 1982; (con ruột ông Nguyễn Cho)
Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 16, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà;
vắng mặt.
32. Ông Đặng Văn Ninh, sinh năm 1964;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
33. Ông Trần Đình Quang Vũ, sinh năm 1974;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
34. Ông Nguyễn Huệ, sinh năm 1964;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
35. Ông Huỳnh Khoa, sinh năm 1954;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
36. Ông Võ Ngọc Thu, sinh năm 1955;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 08, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
37. Ông Phan Gia Quốc, sinh năm 1983;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 08, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
38. Ông Nguyễn Văn Nhân, sinh năm 1959;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

39. Ông Trương Duy Cường, sinh năm 1978;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
40. Ông Võ Minh, sinh năm 1968;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 14, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
41. Ông Dư Hoàng, sinh năm 1967;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
42. Ông Phan Minh Quý, sinh năm 1956
Nơi cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
43. Ông Hồ Văn Tiếp, sinh năm 1949;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
44. Ông Nguyễn Tâm, sinh năm 1956;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
45. Ông Đỗ Hiếu Hạnh, sinh năm 1968;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
46. Ông Trần Thiện Thanh Toàn, sinh năm 1979;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
47. Ông Lê Văn Danh, sinh năm 1963;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
48. Ông Lý Minh Cảnh, sinh năm 1963;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
49. Ông Trần Ngọc Phước, sinh năm 1957;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
50. Ông Huỳnh Ngọc Hà, sinh năm 1971;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
51. Ông Nguyễn Xuân Trường, sinh năm 1964;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
52. Ông Phùng Nghiêm, sinh năm 1978
Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
53. Ông Lê Định, sinh năm 1964;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
54. Ông Đoàn Văn Hoà, sinh năm 1993;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
55. Ông Hồ Duy Tuyên, sinh năm 1974;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
56. Ông Trần Cường, sinh năm 1974;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
57. Ông Nguyễn Xuân Tiên, sinh năm 1999;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
58. Ông Trần Thanh Bình, sinh năm 1978;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 16, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
59. Ông Đặng Quang, sinh năm 1961;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

60. Ông Lê Minh Hào, sinh năm 1967;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
61. Ông Đặng Quốc Chương, sinh năm 1985;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
62. Ông Trần Như Ngọc Đài, sinh năm 1958;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
63. Ông Nguyễn Văn Kiệt, sinh năm 1993;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
64. Ông Nguyễn Trường Sơn, sinh năm 1984;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
65. Ông Nguyễn Thế Quang, sinh năm 1999;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
66. Ông Nguyễn Trung Thiên, sinh năm 1992;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 14, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
67. Ông Ngô Ngọc Bình, sinh năm 1983;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
68. Ông Lê Văn Tuấn, sinh năm 1960;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
69. Ông Trần Thanh Thiện, sinh năm 1988;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
70. Ông Trịnh Công Nam, sinh năm 1984;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.
71. Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1968;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.
72. Bà Đặng Thị Huyền, sinh năm 1970;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Xuân Th được công nhận là Trưởng Ban bảo vệ dân phố phường H từ ngày 23/10/2019 và nhiệm kỳ lần thứ II năm 2021 – 2026 theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 và số 529a/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Đồng thời, tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân phường H về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh ở người phường H thì Đặng Xuân Th là thành viên, và theo Quyết định số 273/QĐ-BCĐ ngày 05/7/2021 của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh ở người về việc phân công nhiệm vụ các thành viên của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh ở người phường H thì Đặng Xuân Th có nhiệm vụ phối

hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể, tổ dân phố theo dõi, giám sát, nắm diễn biến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn phường báo cáo kịp thời; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh nhất là công tác xét nghiệm và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng Ban chỉ đạo.

Với nhiệm vụ được phân công, Đặng Xuân Th là người có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp lực lượng bảo vệ dân phố trên địa bàn phường H tham gia các công tác phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021. Sau đó, Th căn cứ vào Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 đã trực tiếp lập 05 bộ hồ sơ chứng từ thanh quyết toán kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 của lực lượng bảo vệ dân phố phường H từ ngày 04/7/2021 đến ngày 07/9/2021, được Ủy ban nhân dân phường H duyệt chi trả 03 đợt vào các ngày 17/8/2021, ngày 07/9/2021 và ngày 17/12/2021 với tổng số tiền 844.285.000 đồng, trong đó: tiền phụ cấp chống dịch là 595.405.000 đồng, tiền ăn hỗ trợ ăn là 248.880.000 đồng. Tại danh sách người được hưởng phụ cấp, tiền ăn có 11 người, gồm: Phan Huy Cường, Phạm Chiến, Nguyễn Hữu Nhiên, Bùi Anh Tuấn, Nguyễn Phước, Lê Hằng, Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Vinh Hiển, Võ Hữu Ý, Lâm Quang Thảo, Phan Công Phước, không phải thành viên lực lượng bảo vệ dân phố, không tham gia trực; và trường hợp ông Mai Hữu Chí là thành viên lực lượng bảo vệ dân phố nhưng vì lý do sức khỏe không tham gia trực nhưng vẫn có tên trong Quyết định điều động tham gia chống dịch, bảng chấm công do Th lập, xác nhận, được UBND phường H duyệt chi số tiền 173.610.000 đồng. Khi nhận được số tiền này, Th giao lại 51.920.000 đồng cho kế toán để chuyển người phụ trách bếp ăn của Ủy ban nhân dân phường H phục vụ các lực lượng tham gia phòng, chống dịch; số tiền còn lại 121.690.000 đồng thì Th chiếm đoạt.

Tại bản Kết luận giám định vụ việc của Sở Tài chính UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành từ ngày 03/8/2022 đến ngày 11/10/2022 đã kết luận thiệt hại thực tế ngân sách nhà nước đối với hồ sơ thanh toán kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 của lực lượng Bảo vệ dân phố phường H trong vụ việc từ ngày 04/7/2021 đến ngày 07/9/2021 là 173.610.000 đồng, trong đó: Tiền phụ cấp chống dịch là 121.690.000 đồng, tiền ăn là 51.920.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ: Số tiền 372.527.000 đồng đã chuyển vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9058285.00000 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã N, chờ xử lý.

Phần dân sự: Ủy ban nhân dân phường H đã nộp số tiền 173.610.000 đồng vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.1028401.00000 của Thanh tra thị xã N mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã N.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Đặng Xuân Th về tội “*Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đặng Xuân Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, thấy rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng án treo.

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Lê Minh Tâm - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tại đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt trình bày:

Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đặng Xuân Th yêu cầu Hội đồng xét xử xử theo đúng quy định của pháp luật.

Về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng không tranh luận gì, yêu cầu Hội đồng xét xử thu hồi và nộp ngân sách nhà nước số tiền bị thiệt hại là 173.610.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không tranh luận tội danh và hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát công bố.

Về phần trách nhiệm dân sự không tranh luận gì, yêu cầu Hội đồng xét xử thu hồi và nộp ngân sách nhà nước số tiền bị thiệt hại là 173.610.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo Đặng Xuân Th từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không xử phạt.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử chuyển Ủy ban nhân dân phường H số tiền 196.267.000 đồng để thực hiện chi trả tiền phụ cấp chống dịch cho lực lượng Bảo vệ dân phố phường H theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19. Đối với số tiền 176.260.000 đồng còn lại là tiền do phạm tội mà có và khắc phục hậu quả của bị cáo Th nên đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

Ủy ban nhân dân phường H đã nộp số tiền 173.610.000 đồng vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.1028401.00000 của Thanh tra thị xã N mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã N. Yêu cầu Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ án riêng khi có yêu cầu.

Đối với 47 người là lực lượng Bảo vệ dân phố phường H có yêu cầu chi chế độ thì yêu cầu UBND phường H thực hiện chi đối với số tiền 196.267.000 đồng đã xử lý tại phần vật chứng.

Về án phí: Bị cáo Đặng Xuân Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đặng Xuân Th trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện làm việc khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Như vậy các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đại diện theo pháp luật của bị hại Ủy ban nhân dân thị xã N Ông Lê Minh Tâm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Đại diện của Thanh tra thị xã N, đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân phường H - Ông Võ Biệu, ông Nguyễn Châu Vân Long, ông Liễu Đức Thọ, ông Phạm Trọng Đức, ông Nguyễn Vinh Hiển, ông Phan Huy Cường, ông Phạm Chiến, ông Nguyễn Hữu Nhiên, ông Nguyễn Huệ, ông Huỳnh Khoa, ông Võ Ngọc Thu, ông Phan Gia Quốc, ông Nguyễn Văn Nhân, ông Nguyễn Tâm, ông Nguyễn Xuân Tiên, ông Trần Thanh Bình, ông Đặng Quang, ông Đặng Quốc Chương, ông Nguyễn Trường Sơn, ông Nguyễn Thế Quang, ông Nguyễn Trung Thiên, ông Trịnh Công Nam, bà Đặng Thị Huyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Kết luận giám định vụ việc của Sở Tài chính UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành từ ngày 03/8/2022 đến ngày 11/10/2022 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ chứng cứ xác định từ ngày 17/8/2021 đến ngày 17/12/2021 Đặng Xuân Th đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của ngân sách nhà nước số tiền là 173.610.000 đồng (Trong đó: Tiền phụ cấp chống dịch là 121.690.000 đồng, tiền ăn là 51.920.000 đồng) phạm vào tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*" tội danh và khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Đặng Xuân Th khi phạm tội là người đã trưởng thành, đầy đủ khả năng biết được tài sản của cá nhân, tổ chức, nhà nước luôn được pháp luật bảo vệ, nhà nước có nhiều văn bản quy phạm pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm trái phép tài sản của người khác. Thế nhưng bị cáo Th với chức vụ là Trưởng Ban bảo vệ dân phố phường H nhiệm vụ, quyền hạn được quy định theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính Phủ về Bảo vệ dân phố và Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính Phủ về Bảo vệ dân phố, và đồng thời là thành viên của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh ở người phường H có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp lực lượng bảo vệ dân phố trên địa bàn phường H tham gia các công

tác phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021. Ngoài ra, bị cáo Đặng Xuân Th còn là Đảng viên, đáng lẽ bị cáo phải tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật để nêu gương trong lực lượng Bảo vệ dân phố phường H và quần chúng nhân dân nơi cư trú. Dù không được phân công trong lĩnh vực tài chính, kế toán tuy nhiên khi nghe có tiền phụ cấp chống dịch và tiền hỗ trợ ăn cho lực lượng Bảo vệ dân phố phường H theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19, bị cáo đã trực tiếp lập 05 bộ hồ sơ chứng từ thanh quyết toán của lực lượng bảo vệ dân phố phường H mặc dù bị cáo Th không được giao, không được phân công nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó nhưng vẫn thực hiện và chiếm đoạt tài sản của nhà nước. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội

Tuy nhiên, bị cáo Đặng Xuân Th có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Xuân Th có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đặng Xuân Th đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, đã nộp lại số tiền 372.527.000 đồng. Quá trình công tác ở Ban bảo vệ dân phố phường H (trước là thị trấn N) bị cáo Đặng Xuân Th đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, Ủy ban nhân dân phường H (trước là thị trấn N), Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường H tặng nhiều Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong công tác và nhiều phong trào thi đua khác. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Th.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đồng thời cần áp dụng chính sách khoan hồng về nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của HĐTP TANDTC trong trường hợp *“Người phạm tội sau khi bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra”* để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta.

[4] Về căn cứ quyết định hình phạt: Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng xử phạt bị cáo Đặng Xuân Th từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù giam là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo Đặng Xuân Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,

s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho hưởng án treo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo đã nghỉ công tác tại Ban bảo vệ dân phố phường H, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Trong số tiền 372.527.000 đồng bị cáo Đặng Xuân Th khắc phục hậu quả chuyển vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9058285.00000 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã N có 176.260.000 đồng là số tiền mà bị cáo Th chiếm đoạt và nộp khắc phục hậu quả nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. 196.267.000 đồng là số tiền chưa chi trả tiền phụ cấp chống dịch cho lực lượng Bảo vệ dân phố phường H nên giao lại cho Ủy ban nhân dân phường H để tiếp tục chi trả tiền phụ cấp chống dịch cho lực lượng Bảo vệ dân phố phường H theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19.

[7] Về phần dân sự:

Ủy ban nhân dân phường H đã nộp số tiền 173.610.000 đồng vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.1028401.00000 của Thanh tra thị xã N mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã N vào ngày 30/9/2022 theo Quyết định về việc thu hồi tiền số 30/QĐ-TTr ngày 26/9/2022 của Thanh tra thị xã N.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP-TTCTP ngày 18/10/2018 thể hiện:

“2. Sau khi kết thúc cuộc thanh tra, nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, Cơ quan thanh tra có văn bản kiến nghị khởi tố và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp.”

Tuy nhiên, Thanh tra thị xã N sau khi tiếp nhận số tiền 173.610.000 đồng nêu trên đã không chuyển cho Cơ quan điều tra theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết trong vụ án này nên tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự riêng khi có yêu cầu.

Đối với 47 người là lực lượng Bảo vệ dân phố phường H có yêu cầu chi chế độ thì yêu cầu Ủy ban nhân dân phường H thực hiện chi đối với số tiền 196.267.000 đồng đã xử lý tại phần vật chứng.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Xuân Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Kiến nghị:

- Trong vụ án này, ông Hồ Duy Tuyên – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H là người ký chứng từ duyệt chi thanh toán kinh phí theo đề xuất của

bị cáo Đặng Xuân Th, xét việc làm trên của ông Tuyên là thiếu thiếu trách nhiệm cụ thể như sau:

Điều động lực lượng Bảo vệ dân phố tham gia trực chốt nhưng không ban hành quyết định, chỉ ký quyết định điều động trong hồ sơ thanh toán để hợp thức hoá chứng từ;

Không phân công người theo dõi, chấm công lực lượng Bảo vệ dân phố hằng ngày nhưng ký bảng chấm công do bị cáo Th trình để hợp thức hoá chứng từ.

Ngoài ra, ông Tuyên thiếu kiểm tra dẫn đến việc 12 người không trực chốt nhưng vẫn có tên trong quyết định điều động, việc làm này của ông Tuyên đã tạo cơ sở để bị cáo Th chiếm đoạt số tiền 121.690.000 đồng.

- Đối với ông Võ Biệu - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H ký hợp thức hoá 11 quyết định điều động lực lượng Bảo vệ dân phố tham gia phòng, chống dịch Covid-19 để bổ sung đầy đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán kinh phí cho lực lượng Bảo vệ dân phố.

- Đối với bà Lê Thị Hoa với vai trò là Kế toán trưởng và bà Nguyễn Thị Thùy Trang với vai trò là công chức tài chính – kế toán là người trực tiếp kiểm tra chứng từ, lập phiếu chi thanh toán, tuy nhiên bà Hoa, bà Trang đã thiếu kiểm tra, đối chiếu danh sách BVDP được đề nghị thanh toán với danh sách thực tế BVDP phường H, ngoài ra tham mưu lập phiếu chi tiền trực tiếp cho bị cáo Th mà không chi trả trực tiếp cho từng đối tượng thụ hưởng, dẫn đến không phát hiện 12 người không trực chốt nhưng vẫn được chi tiền phụ cấp chống dịch và tiền ăn.

Như vậy, ông Hồ Duy Tuyên, ông Võ Biệu, bà Lê Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Thùy Trang đã có hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh thực hiện hành vi trong giai đoạn cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 và ông Tuyên, ông Biệu, bà Hoa, bà Trang đều không có động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân, thiệt hại được khắc phục toàn bộ nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, để đảm bảo sự công bằng trong việc xử lý hành vi vi phạm và phòng ngừa chung tội phạm kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm về mặt Đảng, Chính quyền đối với những người vừa nêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 355; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử phạt bị cáo Đặng Xuân Th 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Xuân Th cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền 176.260.000 đồng mà bị cáo Đặng Xuân Th đã chiếm đoạt và nộp khắc phục hậu quả.

Giao Ủy ban nhân dân phường H số tiền 196.267.000 đồng là số tiền chưa chi trả tiền phụ cấp chống dịch cho lực lượng Bảo vệ dân phố phường H để tiếp tục chi trả tiền phụ cấp chống dịch cho lực lượng Bảo vệ dân phố phường H theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19.

3. Về phân dân sự: Tách giải quyết riêng bằng một vụ án dân sự khác đối với số tiền 173.610.000 đồng mà Ủy ban nhân dân phường H đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.1028401.00000 của Thanh tra thị xã N mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã N.

Đối với 47 người là lực lượng Bảo vệ dân phố phường H có yêu cầu chi chế độ thì yêu cầu Ủy ban nhân dân phường H thực hiện chi đối với số tiền 196.267.000 đồng đã xử lý tại phần vật chứng.

4. Về án phí: Bị cáo Đặng Xuân Th phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- CQ CSĐT Công an thị xã N;
- CQ THAHS Công an thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh